

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS -ST
Ngày: 16 - 10 - 2018
V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toà phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tiến;

Bà Đặng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng - Cán bộ Toà án

- Đại diện VKS nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà: Ông Đặng Xuân Tụ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST- DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn P - sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2018, các bản tự khai ngày 12/6/2018, ngày 17/9/2018 và biên bản hoà giải ngày 24/9/2018 nguyên đơn ông Mai Văn P trình bày:

Năm 2004, 2005, 2006 UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có thực hiện việc xây dựng và mở rộng các trường học trên địa bàn xã gồm: Trường cấp 1 N, trường mầm non N, trường mầm non N, để thực hiện 3 dự án trên UBND xã N có thu hồi diện tích đất, hoa màu của một số hộ dân. Quá trình thực hiện việc giải phóng mặt bằng, do Ủy ban chưa có tiền trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi, nên ông Phan Văn M - Chủ tịch xã đã đề nghị ông cho UBND xã vay trước 1 số tiền để trả tiền đền bù cho các hộ dân. Lúc đó ông là người phụ trách thi công các công trình xây dựng trên nên ông đồng ý cho UBND xã N vay tiền, cụ thể từng khoản như sau:

1. Ngày 25/6/2004 UBND xã N vay của ông 24.000.000 đồng (hai bốn triệu đồng) để trả tiền thu hồi đất xây dựng trường cấp I N;

2. Ngày 04/6/2005 UBND xã N vay của ông 62.000.000 đồng (sáu hai triệu đồng) để trả tiền thu hồi đất xây dựng trường mầm non N;

3. Ngày 26/6/2006 UBND xã N vay của ông 30.400.000 đồng (ba mươi triệu bốn trăm đồng) để trả tiền thu hồi đất xây dựng trường mầm non N.

Cả 03 khoản tiền vay trên ông đều giao cho ông Nguyễn Trọng B là cán bộ địa chính xã nhận. Khi vay hai bên có viết tay giấy biên nhận số tiền vay cụ thể, không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất, vì khi đề xuất vay Ủy ban hứa các công trình hoàn thành xã sẽ rút tiền trả cho ông. Các công trình hoàn thành đã lâu nhưng xã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ông đã đòi nhiều lần (ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh về thời gian đòi nợ).

Vì vậy, ông đề nghị Ủy ban nhân dân xã N trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc của 03 lần vay trong giấy biên nhận trên là 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) và lãi phát sinh tương ứng 1%/tháng sau một năm của giấy biên nhận nợ cuối cùng tính từ ngày 27/6/2007 đến ngày 11/6/2018 là $116.400.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 131 \text{ tháng} = 152.484.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi phát sinh buộc UBND xã N phải trả cho ông là 268.884.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Tại văn bản ngày 30/7/2018 và biên bản làm việc ngày 12/9/2018 người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, UBND xã đã tiến hành kiểm tra, rà soát, đối chiếu sổ sách chứng từ thu, chi và phương án thu hồi đất, chi trả tiền đền bù cho các hộ dân theo các dự toán xây dựng mở rộng trường cấp I N năm 2004; xây mới trường mầm non N năm 2005 và trường mầm non N năm 2006. Cụ thể cả 03 dự án trên đều không có phương án thu hồi đất, không có bất cứ tài liệu nào thể hiện UBND xã có vay của ông Mai Văn P các khoản tiền trên và UBND xã N cũng không chi, trả khoản tiền nào về việc đền bù cho các hộ dân trong quá trình thu hồi giải phóng mặt bằng

xây dựng các trường học trên với số tiền như ông P yêu cầu là 116.400.000 đồng. Việc ông Phan Văn M nguyên Chủ tịch xã giao cho ông Nguyễn Trọng B nguyên cán bộ công chức địa chính xã N vay tiền của ông P để trả tiền đền bù thu hồi đất, hoa màu cho các hộ dân trong quá trình giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên thế như thế nào bị đơn không biết. Vì vậy UBND xã N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P về việc buộc UBND có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Nhưng thực tế tại địa phương vào các năm 2004, 2005 và 2006 có triển khai mở rộng, xây dựng các trường học trên địa bàn xã. Quá trình xây dựng có việc thu hồi đất, hoa màu của các hộ dân. Tất cả các công trình trên UBND xã N đã nghiệm thu, thanh quyết toán đầy đủ cho nhà thầu theo dự toán thiết kế và đi vào sử dụng đã lâu, từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Riêng phần thu hồi đất, hoa màu của nhân dân do trong dự toán của các công trình trên không thể hiện có diện tích đất thu hồi của các hộ dân nên không thể rút tiền trong ngân sách xã để thanh toán cho nhà thầu được.

Để giải quyết tồn đọng theo đề nghị của ông Nguyễn Trọng B xã đã ban hành báo cáo số 01/BC-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018 đề nghị Ủy ban nhân dân huyện và Phòng tài nguyên môi trường huyện giải quyết việc thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xây dựng công trình phúc lợi tại xã N năm 2004 – 2006 trong đó có diện tích thu hồi của Trường mầm non N là: 28 hộ với diện tích $2663\text{m}^2 \times 23.200$ đồng = 61.781.600 đồng và Trường mầm non N là: 29 hộ với diện tích $1.141\text{m}^2 \times 28.890$ đồng = 32.963.490 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Đối với việc xây dựng mở rộng trường cấp 1 N đã có quyết định thu hồi nhưng địa phương cũng không rút được tiền để trả cho nhà đầu tư. Vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 05/8/2018 và biên bản hoà giải ngày 24/9/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M trình bày: Thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện và phòng giáo dục huyện Nam Trực, Đảng ủy – Hội đồng nhân dân xã N về việc xây dựng các trường học tại xã chuẩn giai đoạn 1 về $\text{m}^2/\text{học sinh}$ và trường mầm non của xã ở các thôn tập trung về khu trung tâm của xã. Năm 2004 đến 2006 UBND xã N đã tiến hành thu hồi đất của dân để mở rộng trường cấp I N, xây dựng mới trường mầm non N và trường mầm non N. Khi đó xã mở hội nghị giao thầu cho Công ty xây dựng N do ông H làm giám đốc và ông Mai Văn P là phó giám đốc trực tiếp thi công. Các thủ tục dự toán thiết kế đã làm đúng theo quy trình được Phòng công thương thẩm định UBND huyện ra quyết định thi công. Về việc giải phóng mặt bằng UBND xã giao cho ông Nguyễn Hữu S - Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế và ông Nguyễn Trọng B - cán bộ công chức địa chính xã trực tiếp làm việc với dân. Trong quá trình xây dựng các công trình phúc lợi trên, cho đến khi xây dựng xong các hạng mục trong dự toán của các công trình đều đã nghiệm thu và thanh toán hết cho chủ thầu. Riêng hạng mục thu hồi diện tích đất, hoa màu của các hộ dân do chưa có quyết định thu hồi đất nên không rút được tiền trong tài khoản của xã ra để

thanh toán cho nhân dân có diện tích đất bị thu hồi được. Vì vậy, thường trực ủy ban xã họp và thống nhất vay tiền tư nhân để thanh toán cho dân. Lúc đó ông P tự nguyện cho Ủy ban xã vay đồng thời xã giao cho ông B nhận tiền của ông P trực tiếp trả cho nhân dân có đất bị thu hồi.

Sau khi trả hết tiền cho nhân dân, giải phóng mặt bằng và tiến hành thi công xong các công trình xây dựng trên là Chủ tịch xã ông đã ký các thủ tục thu hồi đất và nhiều lần đôn đốc ông B lập hồ sơ đề nghị Phòng tài nguyên môi trường huyện ký quyết định thu hồi đất, nhưng không hiểu tại sao UBND huyện vẫn chưa ký nên xã không rút được tiền để trả cho ông P. Ông thừa nhận cả 03 lần vay tiền của ông P đều không nhập vào ngân sách xã. Vì lúc đó trong tài khoản của địa phương vẫn có tiền nhưng chưa có quyết định thu hồi đất nên kho bạc nhà nước huyện không cho rút để thanh toán cho nhân dân.

Việc ông P cho UBND xã vay 03 lần với tổng số tiền là 116.400.000 đồng, ông B là người nhận để trả tiền đền bù thu hồi đất cho nhân dân, ông ký xác nhận vay với tư cách là Chủ tịch xã N An chứ không phải vay cho cá nhân. Vì vậy, ông đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm giải quyết để UBND xã thanh toán khoản tiền vay trên cho ông P.

Tại văn bản ngày 03/8/2018 và biên bản hoà giải ngày 24/9/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng B trình bày: Ông làm cán bộ địa chính xã N từ năm 1998 đến năm 2012. Năm 2004 - 2006 UBND xã N, huyện N, tỉnh N có thực hiện việc xây dựng mở rộng trường học và một số công trình làm đường khác trên địa bàn xã. Ông không biết vì sao trong dự toán thiết kế “Không có công trình nào xây dựng diện tích đất bị thu hồi”, thực tế khi tiến hành xây dựng các công trình trên đều có thu hồi diện tích đất ổn định của nhân dân. Quá trình thực hiện việc giải phóng mặt bằng xã chỉ đạo ông cùng ông Nguyễn Hữu S - Phó Chủ tịch xã triển khai họp các hộ dân có diện tích đất thu hồi (tại xóm 5 và xóm 19) đồng thời giao cho ông trực tiếp nhận tiền vay của ông Mai Văn P 03 lần tổng số tiền là 116.400.000 đồng, khi nhận tiền của ông P, ông có viết giấy biên nhận nội dung vay để trả tiền thu hồi đất của từng trường, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ như ông P trình bày là đúng. Sau khi nhận tiền vay của ông P ông đem chi, trả ngay cho các hộ dân có diện tích đất bị thu hồi (có danh sách nhận tiền đền bù cụ thể cho các hộ dân nhận tiền và ký nhận cung cấp cho Tòa án).

Khi xây dựng xong các công trình xã giao cho ông hoàn thiện hồ sơ về thủ tục thu hồi đất do ông Phan Văn M - Chủ tịch xã ký, đề nghị UBND và Phòng tài nguyên môi trường huyện Nam Trực ra quyết định thu hồi đất. Nhưng khoảng cuối năm 2006 mới có quyết định thu hồi công trình mở rộng trường cấp I N và công trình đường xóm 14, sau đó ông chuyển hồ sơ cho đồng chí D, công chức Tài chính đi kho bạc làm thủ tục rút tiền về trả trước cho ông P, thì được biết trong dự toán thiết kế không có danh mục tiền thu hồi đất nên phải chờ làm xong hết các thủ tục thu hồi đất của các công trình tồn tại mới rút được tiền, do vậy xã chưa trả được số tiền vay cho ông P, nên ông P có đánh máy 01 giấy biên nhận đề ngày 26/6/2006 thay cho 03 giấy vay nợ trước với nội dung đơn ông

Mai Văn P cung cấp cho Tòa là đúng.

Thực tế khoản tiền vay của ông P để chi trả tiền đền bù đất cho dân trong quá trình xây dựng các công trình phúc lợi trên lãnh đạo địa phương đều biết. Vì các Hội nghị thường trực và BCH đều nhắc đến và đề nghị hoàn thiện việc thu hồi đất các công trình trên. Năm 2012 ông bàn giao công tác địa chính cho đồng chí Trần Xuân T, trong biên bản bàn giao tại mục V có nội dung Tổng hợp kinh phí vay trả thu hồi đất của 03 trường. Ngày 12/01/2018 xã đã ban hành báo cáo số 01 do ông Phạm Văn H - Chủ tịch xã ký đề nghị UBND huyện, phòng tài nguyên và môi trường Huyện N giúp đỡ địa phương giải quyết tồn đọng về việc thu hồi đất các mảnh non trên đề rút tiền trả cho chủ đầu tư (ông P) nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Việc ông được xã giao nhận tiền vay của ông P là để trả tiền thu hồi đất cho nhân dân trong quá trình giải phóng mặt bằng các công trình phúc lợi do UBND xã là chủ đầu tư, chứ không sử dụng vì mục đích cá nhân. Vì vậy, ông đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm giải quyết để UBND xã thanh toán khoản tiền vay trên cho ông P.

Tại phiên tòa:

Ông Mai Văn P trình bày: Từ năm 2004 đến năm 2006 các công trình xây dựng trên hoàn thành, nghiệm thu đi vào sử dụng thời gian nào ông không nhớ, nhưng cứ làm xong công trình này thì mới nhận công trình khác. Ông chỉ biết trong quá trình xây dựng giải phóng mặt bằng các công trình trên ông cho UBND xã N vay 03 lần với số tiền là 116.400.000 đồng để trả tiền thu hồi đất cho dân, thì UBND xã phải có trách nhiệm trả tiền cho ông. Ông không biết và không liên quan đến việc Ủy ban có làm được quyết định thu hồi đất hay không. Vì vậy ông giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc UBND xã có nghĩa vụ thanh toán cho ông số nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên.

Ông Phan Văn M trình bày: Lý do trong dự toán thiết kế xây dựng các trường học trên không có danh mục thu hồi đất, vì việc thu hồi đất làm riêng có thủ tục thu hồi giải phóng mặt bằng xong mới làm dự toán xây dựng. Các dự án xây dựng trên đều do UBND xã N là chủ đầu tư, nên việc trả tiền đền bù đất, hoa màu trong quá trình thu hồi đất giải phóng mặt bằng thuộc về UBND xã. Vì vậy, ông giữ nguyên quan điểm trình bày và đề nghị trên.

Ông Nguyễn Trọng B trình bày: Ông được xã giao cho nhận tiền vay của ông P 03 lần cụ thể số tiền như ông P trình bày là đúng, sau mỗi lần nhận tiền vay ông đem trả ngay cho các hộ dân có đất bị thu hồi, nếu số tiền vay trả cho dân còn thiếu thì ông bỏ ra, còn dư thì ông giữ nên có sự khác nhau về số tiền vay so với báo cáo số 01/2018 của UBND xã (như trường mảnh non N: 31.230.090 đồng (vay của ông P 30.400.000 đồng); trường mảnh non N: 61.781.6000 đồng (vay của ông P 62.000.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay ông không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền chênh lệch này, ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày và đề nghị trước đây.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Xác định là quan hệ “Mượn tài sản”;

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Áp dụng Điều 512, 514, 517 Bộ luật dân sự năm 2005. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Mai Văn P. Buộc Ủy ban nhân dân xã N phải trả cho ông Phong số tiền gốc là 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Bác phần yêu cầu về đòi lãi suất số tiền 152.484.000 đồng của ông P đối với Ủy ban nhân dân xã N.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông Mai Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.624.200 đồng; Ủy ban nhân dân xã N phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định bên vay tài sản đã vi phạm hợp đồng từ thời điểm ông P đòi nợ vào năm 2007. Ngày 11/6/2018 ông P mới khởi kiện yêu cầu bên vay trả lại khoản tiền đã cho vay và khoản lãi suất kèm theo. Tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm hại. Do hết thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã giao kết ông P có quyền khởi kiện về đòi lại tài sản. Vì vậy, xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” giữa nguyên đơn là ông Mai Văn P và bị đơn là Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn H – Chủ tịch xã N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung:

Ông Mai Văn P cho Ủy ban nhân dân xã N vay 03 khoản tiền vào ngày 25/6/2004, ngày 04/6/2005 và ngày 26/6/2006 là hợp đồng vay tài sản. Các bên không thỏa thuận về lãi suất, về thời hạn trả nợ. Mục đích của bên vay để trả tiền đền bù, thu hồi đất cho các hộ dân trong quá trình giải phóng mặt bằng xây

dựng mở rộng trường cấp I N, xây mới trường mầm non N và trường mầm non N, xã N. Hai bên đã viết giấy biên nhận ngày 26/6/2006 xác nhận về tổng số nợ cả 03 lần vay là 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng), thay mặt UBND xã N, ông Phan Văn M – Chủ tịch UBND xã đã ký nhận đóng dấu vào văn bản trên.

Tất cả các công trình trên đã hoàn thành nhưng Ủy ban nhân dân xã N không thanh toán các khoản đã vay cho ông P, bên cho vay đã nhiều lần yêu cầu bên vay thanh toán, như vậy xác định bên vay tài sản đã vi phạm hợp đồng từ thời điểm bên cho vay đòi nợ vào năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn cho rằng: Tại Văn phòng, phòng địa chính cũng như sổ theo dõi quỹ, tài chính từ năm 2004 đến hết năm 2006 không có bất cứ tài liệu nào thể hiện Ủy ban xã N vay của ông Mai Văn P số tiền 116.400.000 đồng để chi trả tiền đền bù, thu hồi đất cho nhân dân trong quá trình giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng mới các công trình phúc lợi trên như ông P trình bày. Việc ông Phan Văn M - Chủ tịch xã tại thời điểm đó, chỉ đạo giao cho ông Nguyễn Trọng B lúc đó là cán bộ địa chính xã đứng ra vay tiền của ông P để trả tiền đền bù, thu hồi đất, hoa màu của nhân dân như thế nào bị đơn không nắm được. Nhưng bị đơn thừa nhận tại thời điểm 2004 đến 2006 trên địa bàn xã có việc thu hồi đất của nhân dân để xây dựng xây các công trình phúc lợi trên và đều đã hoàn thành đi vào sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp gì.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu S là Phó Chủ tịch UBND xã N từ năm 2004 đến năm 2011 xác nhận: Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân về việc mở rộng trường cấp 1 N và xây dựng mới 02 trường mầm non N, N. Thời điểm đó UBND xã giao cho ông cùng ông Nguyễn Trọng B cán bộ địa chính xã xuống các cơ sở xóm 19, xóm 5 cùng với trưởng xóm và bí thư chi bộ 02 xóm họp bàn với nhân dân đồng ý để UBND xã thu hồi đất ở 02 khu vực xây dựng 03 trường trên. Sau khi được nhân dân đồng ý, xã đã xây dựng phương án đền bù để trả tiền cho dân. Do điều kiện khó khăn về tài chính, tập thể lãnh đạo UBND xã đã thông nhất vay tiền tư nhân của ông Mai Văn P để trả tiền cho nhân dân kịp thời, khi xây dựng xong UBND xã sẽ làm các thủ tục thu hồi đất theo quy định rút tiền ngân sách trả lại cho ông P. Đồng thời UBND xã giao cho ông B trực tiếp nhận tiền của ông P để xuống cơ sở cùng xóm trưởng, bí thư chi bộ tổ chức thanh toán trả tiền cho nhân dân theo diện tích thu hồi của từng hộ.

Hội đồng xét xử thấy: Trong ngân sách tài chính của xã không thể hiện có chi bất cứ khoản tiền nào về việc đền bù đất cho các hộ dân trong quá trình xây dựng giải phóng mặt bằng các công trình trường cấp I N, trường mầm non N và trường mầm non N. Nhưng thực tế tại địa phương thời điểm 2004 – 2006 Ủy ban nhân dân xã có xây dựng 03 công trình trên, quá trình xây dựng có việc thu hồi, đền bù đất, hoa màu cho nhân dân. Các hộ dân có diện tích đất bị thu hồi đã nhận đủ tiền đền bù, từ đó đến nay không ai có ý kiến hay tranh chấp gì, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Danh sách chi trả bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi xây dựng mở rộng trường cấp 1 N là 23.926.800 (đã có quyết định thu hồi);

trường mần non N với số tiền là 31.230.090 đồng và trường mẫu giáo N là 61.781.600 đồng (55.923.000 đồng và 5.858.600 đồng) cũng như báo cáo số 01/BC-UBND ngày 12/01/2018 UBND xã N đề nghị Ủy ban nhân dân và Phòng tài nguyên môi trường huyện N giải quyết việc thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xây dựng công trình phúc lợi tại xã N năm 2004 – 2006 trong đó có diện tích thu hồi của trường mần non N là: 28 hộ với diện tích $2663\text{m}^2 \times 23.200$ đồng = 61.781.600 đồng và trường mần non N là: 29 hộ với diện tích $1.141\text{m}^2 \times 28.890$ đồng = 32.963.490 đồng.

Như vậy, các công trình xây dựng mở rộng trường cấp I N, xây dựng mới trường mần non N và trường mần non N là dự án đầu tư của UBND xã N, trong đó ông Mai Văn P đã cho Ủy ban vay số tiền 116.400.000 đồng chi trả tiền đền bù thu hồi đất cho nhân dân để thực hiện các dự án, trách nhiệm trả nợ cho ông P thuộc về UBND xã N. Do đó yêu cầu của ông P là có căn cứ, buộc Ủy ban nhân dân xã N có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền vay gốc là 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Về yêu cầu lãi suất: Ông P yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N phải trả cho ông số tiền lãi phát sinh 1%/tháng tính từ ngày 27/6/2007 đến ngày 11/6/2018 là 152.484.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, đây không phải là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản (do đã hết thời hiệu khởi kiện) mà đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi lại tài sản. Theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TANDTC đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã N phải trả cho ông P số tiền lãi phát sinh là 152.484.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do phần yêu cầu đòi số tiền vay gốc 116.400.000 đồng của ông Mai Văn P được chấp nhận nên UBND xã N phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch. Đối với yêu cầu đòi tiền lãi suất của ông Mai Văn P không được chấp nhận, nên ông P phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là $152.484.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.624.200$ đồng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 427, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P, buộc Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có nghĩa vụ trả cho ông P số

tiền vay gốc là 116.400.000 đồng (một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Bác phần yêu cầu của ông Mai Văn P về việc đòi UBND xã N phải trả cho ông số tiền lãi phát sinh là 152.484.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Mai Văn P phải nộp 7.624.200 đồng, trừ số tiền tạm ứng án phí 6.700.000 đồng ông P đã nộp theo biên lai thu số 0002021 ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, ông P còn phải nộp 924.200 đồng (chín trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Chi cục THA dân sự H. Nam Trực;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh